

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-4-2019

V/v ly hôn giữa bà A và ông Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hùng Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Phước Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp TH, xã TX, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25-12-2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc A trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà và ông Đ xác lập hôn nhân vào năm 1989; vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con. Vợ chồng ly thân đến nay được 03 năm. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà A xin ly hôn. Về nuôi con chung: Ông bà có 04 con chung Lê Ngọc H sinh ngày 10-9-1990, Lê Ngọc H1 sinh ngày 01-11-1991, Lê Thanh H2 sinh ngày

03-12-1993 và Lê Thanh H3 sinh ngày 20-9-1997. Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Lê Phước Đ thống nhất với lời trình bày của bà A về thời gian tiến tới hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông Đ không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh còn thương vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông Đ xác lập hôn nhân năm 1989 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Vợ chồng sống ly thân từ 03 năm nay. Bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên xin ly hôn. Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt, quá trình tố tụng ông có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp thuyết phục bà A hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông Đ thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ly hôn giữa bà A và ông Đ.

[2] Về nuôi con chung: Các con đã trưởng thành.

[3] Về chia tài sản: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Anh, bà xác định không có.

[5] Về án phí: Bà A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Ngọc A và ông Lê Phước Đ.

2. Về nuôi con chung: Các con đã trưởng thành.

3. Về chia tài sản: Ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Ngọc A phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số

001301 ngày 07-01-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.CT
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn